

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/CT-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

CHỈ THỊ

**Về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc,
thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ xi măng, sắt thép và vật liệu xây dựng**

Vật liệu xây dựng (VLXD) bao gồm xi măng, thép xây dựng, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng, vật liệu xây và các loại VLXD khác có vai trò rất quan trọng, phục vụ xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị, nhà ở trong thiết kế và phát triển đất nước. Các hoạt động sản xuất, tiêu thụ VLXD tác động đến việc giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, ngành VLXD nước ta gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu đều giảm sút, dẫn đến nguy cơ tác động đến nền kinh tế và ảnh hưởng đến tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước. Qua đánh giá của các Bộ, ngành, hiệp hội và các doanh nghiệp trong ngành cho thấy khó khăn chủ yếu bao gồm:

Một là, cơ chế chính sách để phát triển bền vững ngành VLXD còn có khoảng cách so với thực tiễn; phản ứng chính sách còn chưa kịp thời với các vấn đề phát sinh, cam kết quốc tế trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên và các diễn biến nhanh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ các sản phẩm VLXD. Cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất VLXD ứng dụng khoa học công nghệ chưa được ban hành cụ thể.

Hai là, chi phí nhiên liệu than, dầu FO, khí nén thiên nhiên (CNG), khí gas hóa lỏng (LPG) và điện tăng cao. Các nguyên liệu sản xuất VLXD như đá vôi, đá sét, phụ gia làm xi măng; cát trắng silic, đá vôi, dolomit làm kính; cao lanh, feldspat (tràng thạch) làm gạch ốp lát, sứ vệ sinh; cát để sản xuất vật liệu xây không nung (VLXKN), nguyên liệu đầu vào làm thép,... vẫn còn gặp khó khăn, có lúc chưa bảo đảm đủ ổn định để sản xuất.

Ba là, thị trường tiêu thụ VLXD trong nước và xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do tổng cầu trong nước và thế giới đều giảm, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, thị trường bất động sản trong nước tăng trưởng chậm, nhiều công trình xây dựng, dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng chậm triển khai, phải hoãn hoặc giãn tiến độ; chi phí vận tải tăng cao; xuất khẩu clanhke, các sản phẩm VLXD sụt giảm do cạnh tranh gay gắt về giá bán sản phẩm từ các nhà sản xuất lớn trên thế giới, cộng với các quy định về hàng rào kỹ thuật tại các thị trường xuất khẩu; thị trường nội địa cạnh tranh gay gắt do sản phẩm nhập ngoại tăng lên đáng kể trong thời gian qua.

Bốn là, tình hình tài chính gặp khó khăn do các doanh nghiệp sản xuất VLXD, nhất là các doanh nghiệp xi măng có tỷ lệ vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng lớn. Giai đoạn đầu khi mới vận hành nhà máy, các doanh nghiệp phải trả nợ vốn vay, cộng với lãi vay cao, dẫn đến áp lực trả nợ cả gốc và lãi lớn. Do tiêu thụ sản phẩm rất chậm trong thời gian gần đây, nhiều doanh nghiệp đã phải dừng một số dây chuyền sản xuất, dẫn đến dòng tiền để trả nợ cho ngân hàng và chi phí nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất rất khó khăn. Nhiều nhà máy VLXD, đặc biệt là nhóm xi măng, thép xây dựng sản xuất không hiệu quả, thua lỗ, dẫn đến nợ xấu.

Năm là, tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái liên quan đến VLXD vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Để khắc phục các khó khăn, vướng mắc nêu trên và thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ xi măng, sắt thép và VLXD trong thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan quán triệt quan điểm chỉ đạo và tập trung thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp sau đây.

I. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát thực tiễn, kịp thời phản ứng nhanh chính sách với những vấn đề khó khăn, vướng mắc nổi lên, tổ chức thực hiện quyết liệt, mạnh mẽ trong lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động sản xuất, tiêu thụ xi măng, thép xây dựng và các loại VLXD khác.

2. Phát triển ngành VLXD bảo đảm hiệu quả, bền vững, đáp ứng cơ bản nhu cầu trong nước, tăng cường xuất khẩu các sản phẩm VLXD có giá trị kinh tế cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội.

3. Tiếp cận và ứng dụng nhanh nhất các thành tựu khoa học, công nghệ, quản lý nhất là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm; đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu xây dựng.

4. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu trong sản xuất; khai thác sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; sử dụng tối đa các chất thải, phế thải của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng và chất thải sinh hoạt làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia cho quá trình sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn; hạn chế tối đa ảnh hưởng tới môi trường trong quá trình khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản và sản xuất VLXD theo hướng sản xuất xanh.

5. Phát huy, khuyến khích các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển VLXD;

6. Phân bổ mạng lưới cơ sở sản xuất VLXD trên toàn quốc phù hợp với điều kiện về tự nhiên, xã hội của từng vùng, miền.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về cơ chế chính sách phát triển ngành:

- Rà soát các cơ chế, chính sách, thể chế để khuyến khích đầu tư phát triển ngành VLXD nhanh và bền vững, phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, góp phần vào phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, điều chỉnh giảm mặt bằng lãi suất cho vay cho các khách hàng, trong đó có doanh nghiệp trong ngành VLXD theo quy định pháp luật. Ban hành các chính sách ưu đãi về sử dụng rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, phế thải một số ngành công nghiệp như tro xỉ, thạch cao,... làm nhiên liệu, nguyên liệu thay thế trong sản xuất xi măng và các VLXD khác. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực VLXD nhất là trong hoạt động sản xuất, tiêu thụ xi măng, thép xây dựng.

- Nghiên cứu điều chỉnh chính sách thuế về xuất khẩu sản phẩm clanhke xi măng để bảo đảm tính cạnh tranh với các nước cùng xuất khẩu mặt hàng này, đồng thời phù hợp với Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) về việc không đánh thuế xuất khẩu hàng hoá với các nước ký Hiệp định. Tăng cường các biện pháp về phòng vệ thương mại, hàng rào kỹ thuật, chống bán phá giá đối với các sản phẩm sắt thép, các sản phẩm VLXD như gạch ốp lát nhập khẩu, ván sợi gỗ (LDF/MDF/HDF), sứ vệ sinh, kính xây dựng... nhằm loại bỏ các hành vi cạnh tranh không công bằng và bảo đảm phù hợp với những quy định của Việt Nam và WTO.

2. Về áp dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi sản xuất của ngành, nhất là sản xuất xanh: Chủ động đổi mới, áp dụng linh hoạt công nghệ cao, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn để giảm giá thành, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm.

3. Về thị trường:

- Tăng cường dự báo diễn biến trong và ngoài nước để chủ động có các giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả, giúp cho doanh nghiệp có các định hướng ổn định sản xuất, kinh doanh; chống buôn lậu, gian lận thương mại, chống hàng giả, hàng nhái; mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh đầu tư công, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, nông thôn, các công trình quốc phòng, an ninh, công trình biển và hải đảo phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế biển.

- Tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, nhà ở; đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh bền vững.

- Đẩy mạnh triển khai Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp và các chương trình, dự án xây dựng nhà ở khác để tiêu thụ VLXD.

- Nghiên cứu tăng tỷ lệ lựa chọn phương án sử dụng cầu cạn bê tông cốt thép đối với các dự án đường bộ cao tốc, đặc biệt là ở những vùng có yêu cầu thoát lũ, vùng đất yếu có chiều sâu lớn và những vùng thiếu vật liệu đắp nền đường như vùng đồng bằng sông Cửu Long; nghiên cứu sử dụng tối đa gia cố đất bằng xi măng trong xây dựng đường bộ tại khu vực đầu cầu, công, các vị trí có chiều cao đắp lớn, các vị trí có chiều sâu đất yếu lớn,....

- Đẩy mạnh xây dựng các công trình chống biến đổi khí hậu như đê chắn sóng, các công trình chống sạt lở, gây lún đất các khu vực bị tác động.

- Ưu tiên đầu tư đường bê tông xi măng trong phát triển đường giao thông nông thôn miền núi, khu vực địa hình khó khăn, độ dốc lớn và tại những vùng, khu vực thường xuyên bị ngập nước.

4. Về hợp tác quốc tế: Đẩy mạnh hợp tác đầu tư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ, quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực VLXD.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Xây dựng

a) Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 tại Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2020; Chương trình phát triển VLXKN tại Việt Nam đến năm 2030 tại Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2021 và các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án liên quan đến VLXD để điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội.

b) Triển khai hiệu quả Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm VLXD thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm VLXD thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2024.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương tổng kết, đánh giá thực tiễn để bổ sung Quy hoạch lĩnh vực xi măng, sắt thép vào Danh mục các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành trong Luật Quy hoạch.

d) Đôn đốc các doanh nghiệp VLXD, đặc biệt là xi măng tiết giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, tăng cường đầu tư các hệ thống phát điện nhiệt dư và sử dụng các loại nhiên liệu thay thế từ rác thải, sử dụng các nguyên liệu thay thế là phế thải của các ngành công nghiệp như tro xỉ, thạch cao.

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn và triển khai các biện pháp về hàng rào kỹ thuật đối với các sản phẩm VLXD nhập khẩu, đặc biệt là gạch ốp lát, sứ vệ sinh và kính xây dựng, bảo đảm phù hợp với những quy định về Tự do thương mại của WTO.

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tập trung tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, đẩy mạnh triển khai Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp và các chương trình, dự án xây dựng nhà ở khác.

2. Bộ Công Thương

a) Triển khai hiệu quả Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2024 (Kế hoạch thực hiện Quy hoạch khoáng sản).

b) Khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển ngành thép Việt nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, lĩnh vực thép xây dựng cần được bảo đảm cân đối cung cầu và đầu tư phát triển bền vững.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực thép xây dựng như: các chính sách về thuế các loại (thuế nhập khẩu, thu nhập doanh nghiệp,...), thu hút đầu tư, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý lĩnh vực thép xây dựng.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ ngành liên quan trong việc xem xét hồ sơ đề nghị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, tiến hành điều tra theo quy định và kịp thời ban hành các biện pháp cụ thể về phòng vệ thương mại đối với các sản phẩm sắt thép và các sản phẩm VLXD như gạch ốp lát nhập khẩu, ván sợi gỗ (LDF/MDF/HDF), sứ vệ sinh, kính xây dựng... bảo đảm phù hợp với những quy định của pháp luật Việt Nam và WTO.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các hội, hiệp hội nghề đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường nước ngoài để hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu clanhke và xi măng; thép xây dựng, tôn mạ và các sản phẩm thép.

3. Bộ Tài chính

a) Chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan; nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh theo hướng áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu mặt hàng clanhke xi măng ở mức phù hợp để tháo gỡ khó khăn về tiêu thụ sản phẩm hiện nay.

b) Chủ trì xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) sau khi được Quốc hội thông qua; nghiên cứu quy định về sản phẩm clanhke xi măng theo hướng “sản phẩm clanhke xi măng thuộc đối tượng chịu thuế GTGT” kể cả tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Tiếp tục nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất ngân hàng đối với các khoản nợ của các doanh nghiệp ngành VLXD phù hợp với năng lực thực hiện nghĩa vụ tài chính.

b) Phối hợp với Bộ Xây dựng và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tích cực triển khai Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo chung cư cũ.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Rà soát, đẩy nhanh việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD, đặc biệt là khoáng sản làm xi măng (đá vôi, đất sét, phụ gia) để bảo đảm nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất ổn định, liên tục, thông suốt.

b) Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về chi trả phí vận chuyển và xử lý rác thải, tro, xỉ, thạch cao,... để làm nhiên liệu, nguyên liệu trong sản xuất xi măng và các loại VLXD khác; hướng dẫn thủ tục đăng ký thực hiện đồng xử lý, tái xử lý chất thải làm nhiên liệu thay thế trong các nhà máy sản xuất xi măng bảo đảm thuận tiện, dễ thực hiện.

6. Bộ Giao thông vận tải

a) Nghiên cứu tăng tỷ lệ lựa chọn phương án cầu cạn bê tông cốt thép ngay từ khâu thiết kế cho các tuyến đường cao tốc đầu tư xây dựng từ nay đến năm 2030 và các năm tiếp theo ở những địa bàn phù hợp, đặc biệt là ở những vùng có yêu cầu thoát lũ, vùng đất yếu có chiều sâu lớn và những vùng thiếu vật liệu đắp nền đường như vùng đồng bằng sông Cửu Long bảo đảm kinh tế - kỹ thuật theo thời gian sử dụng và tuổi thọ công trình.

b) Nghiên cứu tăng cường sử dụng công nghệ gia cố đất bằng xi măng để xử lý nền đất yếu (tại khu vực đầu cầu, cống, các vị trí có chiều cao đắp lớn, các vị trí có chiều sâu đất yếu lớn,...) đối với các tuyến đường đầu tư từ nay đến năm 2030 và các năm tiếp theo bảo đảm kinh tế - kỹ thuật theo thời gian sử dụng và tuổi thọ công trình.

c) Nghiên cứu sử dụng tối đa đường bê tông xi măng trong các dự án đường nông thôn, miền núi và đường tại những vùng thường xuyên ngập lụt.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Đẩy mạnh các chương trình nâng cấp, hiện đại hóa các công trình phòng, chống tác hại của ngập nước, hệ thống đê điều theo phương án sử dụng bê tông cốt thép ngay từ khâu thiết kế, bảo đảm an toàn chống lũ, nước biển dâng, kết hợp với kiểm soát nguồn nước và giao thông nông thôn, vùng ven biển.

b) Chủ trì rà soát diện tích ba loại rừng, cập nhật vào kế hoạch triển khai quy hoạch tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật về quy hoạch và lâm nghiệp, không chồng lấn với các quy hoạch khoáng sản, để góp phần bảo đảm nguồn nguyên liệu khoáng sản cho các dự án VLXD.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Tăng cường phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ ngành liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển VLXD; Quy hoạch khoáng sản làm VLXD; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch khoáng sản làm VLXD; Quy hoạch khoáng sản; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch khoáng sản.

b) Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất các sản phẩm VLXD trong nước có chất lượng thay thế VLXD nhập khẩu, thân thiện môi trường, các sản phẩm VLXD chế biến sâu để xuất khẩu theo cơ chế, chính sách hiện hành; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư các trạm nghiền, trạm phân phối xi măng ở những địa phương không sản xuất được clanhke và có nguồn phụ gia, tận dụng được tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện.

c) Giải quyết kịp thời các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, thuê đất đối với các dự án đầu tư khai thác khoáng sản làm VLXD và sản xuất VLXD. Đồng thời, khi xem xét, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án sản xuất VLXD cần cân nhắc kỹ để tránh việc đầu tư dư thừa, dẫn đến cung vượt cầu, gây lãng phí nguồn lực xã hội.

d) Đẩy mạnh các dự án đầu tư công, nhà ở xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, nông thôn, phòng chống thiên tai trên địa bàn để tăng lượng sử dụng xi măng, sắt thép và các VLXD khác.

đ) Nghiên cứu tình hình thực tiễn để bố trí quỹ đất cho các doanh nghiệp sản xuất VLXD có đủ diện tích đất để đầu tư phát triển ổn định, lâu dài phù hợp với kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

9. Các doanh nghiệp VLXD

a) Đổi mới, áp dụng công nghệ sản xuất và phương thức quản lý hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm; rà soát, cắt giảm chi phí sản xuất đối với nguyên liệu, nhiên liệu than, dầu, khí đốt và điện; áp dụng các giải pháp nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng trong sản xuất, tận dụng các nguồn nhiên liệu giá rẻ từ phế thải để giảm chi phí sản xuất.

b) Đa dạng hoá sản phẩm VLXD, phù hợp các loại hình công trình xây dựng, điều kiện khí hậu, vùng miền khác nhau; tăng cường sản xuất các sản phẩm VLXD thay thế nhập khẩu đáp ứng nhu cầu thị trường; tìm kiếm, mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm VLXD với nhiều nước trên thế giới.

c) Rà soát hệ thống đại lý bán hàng; cắt giảm các bộ phận, các khâu trung gian từ nhà máy sản xuất tới khách hàng tiêu thụ sản phẩm; tiết giảm các chi phí bán hàng phù hợp;

d) Cơ cấu lại nguồn vốn, tiết giảm chi phí để bảo đảm dòng tiền trả nợ ngân hàng và chi phí nguyên, nhiên liệu đầu vào, nhân công và các chi phí khác trong sản xuất; chủ động kế hoạch, lộ trình trả nợ để bảo đảm an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

đ) Đầu tư nâng cấp, cải tạo chiều sâu đổi mới công nghệ, thiết bị để tiết giảm chi phí sản xuất, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; đầu tư các hệ thống nguồn điện tự dùng, điện mặt trời, phát điện tận dụng nhiệt dư trong sản xuất các sản phẩm VLXD, đặc biệt là trong các nhà máy sản xuất clanhke xi măng, để sử dụng cho sản xuất, giảm chi phí điện năng, giảm phát thải; đầu tư sử dụng rác thải thay thế nhiên liệu đốt, sử dụng phế thải công nghiệp thay thế nguyên liệu tài nguyên thiên nhiên để giảm chi phí nguyên, nhiên liệu trong sản xuất; đầu tư các trạm nghiền xi măng tại khu vực miền Trung, các vùng thuận tiện về giao thông, cảng biển, có nguồn khoáng sản phụ gia làm xi măng, có nguồn thải tro, xỉ, thạch cao và các nguồn thải công nghiệp phù hợp khác.

e) Kịp thời báo cáo các khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện về Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, các Hiệp hội để có giải pháp, đề xuất tháo gỡ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm quán triệt và tổ chức thi hành nghiêm Chỉ thị này.

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp Bộ Công Thương, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà